

Số: 77/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Giáp Trà Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Quốc Việt**

2. Ông **Thạch Đa Ra**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST-DS ngày 05/3/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1982

Địa chỉ: số B, khóm C, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thiên S, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1952

Địa chỉ: khóm L, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954

2/ Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1978

3/ Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1983

4/ Bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: khóm L, phường L, tỉnh Vĩnh Long

- Người đại diện của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc P: Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1976; Địa chỉ: số B, khóm B, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Thiên S đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị Bích T2 cùng thoả thuận thống nhất:

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 8349 quyền số 12/2021 TP/CC – SCC/HĐGD, ngày 08/12/2021 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 177, tờ bản đồ số 4, diện tích 49,9m², loại đất ở đô thị tọa lạc ấp L, phường D, thành phố T được ký kết giữa hộ ông Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thị Bích T2 với ông Nguyễn Văn M tại Phòng Công chứng Nguyễn Thanh B.

Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả lại cho hộ ông Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thị Bích T2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 464027 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00009 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 13/01/2021 cho hộ ông Nguyễn Hữu T.

Ông Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thị Bích T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền 400.000.000 đồng vốn gốc và 113.400.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm là 20.453.600 đồng, ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Ngọc P, bà Nguyễn Thị Bích T2 phải chịu. Do ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp miễn án phí và có đơn yêu cầu miễn án phí nên ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí. Ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Ngọc P, bà Nguyễn Thị Bích T2 cùng phải chịu 12.272.160 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001245 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND KV10;
- THADS VL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang